(6)

ƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

ners, drivers are to be aware of the followings:

ao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có ủa các Đơn vị đăng kiểm.

rivers are requested to carry the certificate of certificate and inspection stamp when receiving a from the Registration and Inspection Center.

nh qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển đặt trước công trình.

bridges, road tunnels, drivers must comply with put forward its.

ưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật kiểm định.

ce and/or repair to the good technical conditions een two consecutive inspections.

thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến lể được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

nsfer of vehicle ownership, renovation, modifica-sis) or changing of engine No, ... the concerned nspection Center (Vietnam Register) should be ctions and the required procedures are to be

nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc đăng kiểm để kiểm định lại.

ich is damaged by accident and the requirements and environment protection are not assured, is to ught for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: KD 7270621

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG
KIEN GIANG PROVINCE'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE
Số *(Number)*: 0000517

Mẫu 01B-ĐB BH theo QĐ
số 753/2005/QĐ-BCA(C11) ngày 15/6/2005 của BCA

ÔNG TIỆN *(VEHICLE)*

C-0868 Số quản lý: 6801S-005216

er) *(Vehicle Inspection No.)*

(Type) ô tô con

TOYOTA

le) INNOVA G TGN40L-GKMNKU

umber) 1TR6236196

s Number) RL4XW43GX69202587

ất: 2006, Việt Nam Niên hạn SD:

and Country) *(Lifetime limit to)*

i (Commercial Use [-] Cải tạo *(Modification)* [-]

SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

: 4x2 Vết bánh xe: 1510/1510 (mm)

(Wheel Tread)

Overall Dimension) 4555 x 1770 x 1745 (mm)

ùng xe *(Inside cargo container dimension)*

(mm)

*Wheelbase)*2750 (mm)

n: (Kerb mass) 1530 (kg)

C theo TK/CP TGGT: (kg)

ay load)

theo TK/CP TGGT: (kg)

otal mass)

o TK/CP TGGT: (kg)

owed mass)

chở: 8 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

ers Carried: seat, stood place, laying place)

ype of Fuel Used) Xăng

ủa động cơ: *(Engine Displacement)* 1998 (cm3)

/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 100(kW)/5600vph

7270621 633277351585

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*

1: 2; 205/65R15

2: 2; 205/65R15

Kiên Giang, ngày 7 tháng 7 năm 2021

Số phiếu kiểm định *(Issued on: Day/Month/Year)*

(Inspection Report No) **ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH**

6801S-22183/21 *(INSPECTION CENTER)*

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 06/01/2022

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* [-]

Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued* [-]

Ghi chú:

Tên chủ xe *(Owner's full name):*
SỞ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ *(Address):*
17 Phan Bội Châu-VTV-Rạch Giá

Nhãn hiệu *(Brand):* TOYOTA

Loại xe *(Type):* Ôtô con

Màu sơn *(Color):* Đen

Năm sản xuất *(Year of manufacture)* 2006

Kích thước bao:-Dài*(Length):* m;Rộng*(Width):* m;Cao*(Height):*

Overall dimension 4555 1770 1745

Tải trọng: Số chỗ ngồi*(Sit):* đứng*(Stand):* nằm*(Lie):* Hàng hoá: kg

Gross weight: Seat capacity 08 *Goods:*

Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm

Valid until

Biển số đăng ký Kiên Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2006

(N°Plate) Trưởng phòng

68C-0868

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration
30/05/2006

Thiếu Tá: Lê Văn Quý